

Số: 181 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 29 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị Quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đầu tư giá quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 252/TTr-SNN ngày 05/11/2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt yêu cầu và hiệu quả cao.

b) Xác định rõ các mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; từ đó, có kế hoạch cụ thể, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu theo yêu cầu; các địa phương có cơ sở lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Phát huy những kết quả tích cực đã đạt được trong giai đoạn 2010-2020; chủ động tập trung các nguồn lực, phát huy mạnh mẽ hơn nữa những lợi thế, thế mạnh của từng địa phương, tạo sự bứt phá trong phát triển khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; đưa sản xuất nông nghiệp của Hưng Yên thành một ngành sản xuất mạnh, thông minh, có năng suất lao động cao, từng bước số hóa trong sản xuất nông nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Cần xác định rõ: “Xây dựng nông thôn mới là một quá trình thường xuyên, liên tục và lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”; xây dựng nông thôn mới đi vào thực chất từng nội dung các tiêu chí, cần linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo phong trào xây dựng nông thôn mới tiếp tục phát triển mạnh, không hình thức hay chạy theo thành tích trong xây dựng nông thôn mới.

b) Xây dựng nông thôn mới phải lấy người dân làm trung tâm, phát huy vai trò chủ thể chính thực hiện Chương trình của người dân; phát huy sức mạnh của toàn dân, tinh thần đoàn kết theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”.

c) Xây dựng nông thôn mới phải gắn với hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; đảm bảo tính kết nối giữa nông thôn với đô thị, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường; thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh; tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; tăng cường phát triển dịch vụ thương mại nông thôn; phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.

d) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đưa chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của đơn vị, địa phương quản lý.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đi vào thực chất từng nội dung các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhằm giải quyết triệt để, căn bản các vấn đề còn tồn tại ở khu vực nông thôn, tạo sự bứt tốc mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn; xây dựng thành công các mô hình nông thôn mới kiểu mẫu trên cơ sở đặc thù, lợi thế, thế mạnh của từng địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phấn đấu đến hết năm 2025, có thêm 55-60 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 25-30 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt tối thiểu 80 triệu đồng/người vào năm 2025; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; 100% các hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Duy trì mức đạt chuẩn nông thôn mới

a) Hoàn thiện nội dung các tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn yếu của giai đoạn 2016-2020

- Giao thông nông thôn: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường, đoạn đường đã có biểu hiện xuống cấp (do đã được đầu tư xây dựng từ lâu, lưu lượng vận chuyển hàng hóa tăng nhanh), đường nhỏ, hẹp, ảnh hưởng tới vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân.

- Thủy lợi: Tổ chức khai thông một số tuyến kênh, mương tiêu nước thường xuyên bị tắc, nghẽn dẫn tới tiêu nước chậm, ngập úng cục bộ ảnh hưởng tới sản xuất và cuộc sống của người dân.

- Trường học: Cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới các trường học, phòng học, phòng chức năng, các công trình phụ trợ ... đã xuống cấp (do xây dựng từ lâu, quy mô học sinh tăng vượt so với thiết kế của các trường học, phòng học).

- Cơ sở vật chất văn hóa: Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà văn hóa cho những xã, thôn chưa có nhà văn hóa hay có nhà văn hóa nhưng đã xây dựng từ lâu, xuống cấp không đảm bảo các điều kiện sinh hoạt văn hóa của người dân; xây dựng các khu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

- Chợ nông thôn: Tổ chức bố trí, sắp xếp các gian hàng, kệ hàng ... đảm bảo khoa học, mỹ quan, vệ sinh môi trường và tiện lợi trao đổi hàng hóa; bổ sung, sửa chữa các thiết bị ánh sáng, hệ thống thu gom nước thải, rác thải, khu vệ sinh ... tạo không gian chợ đủ sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp: Đẩy mạnh chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả trồng những cây trồng cho thu nhập cao, có thị trường tiêu thụ sản phẩm rõ ràng và dễ tiêu thụ; tổ chức liên doanh liên kết (đặt biệt liên kết giữa doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm với người dân), xây dựng các chuỗi sản xuất khép kín từ khâu lựa chọn giống đến khi bán sản phẩm ra thị trường; hình thành, mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn; đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn.

- Môi trường, cảnh quan nông thôn: Đầu tư xây dựng thêm các khu xử lý chất thải, đảm bảo xử lý 100% lượng rác thải trên địa bàn tỉnh (Giao cho doanh nghiệp đầu tư, vận hành, kinh doanh; ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh, có công nghệ hiện đại, hiệu quả và nhiều năm kinh nghiệm trong công tác xử lý rác thải); tổ chức thu gom 100% rác thải trên địa bàn (rác thải sinh hoạt, rác thải trong các khu sản xuất, rác thải y tế...); đẩy mạnh mô hình phân loại, xử lý rác hữu cơ tại nguồn (tập trung ở những địa phương có điều kiện xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn); đẩy mạnh mô hình trồng hoa, dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm; tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

b) Duy trì mức đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Tổ chức rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới so với Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; từ đó, có kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đảm bảo các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở các giai đoạn trước, vẫn đạt các yêu cầu của Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Nâng cao chất lượng các tiêu chí

a) Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đảm bảo xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn.

b) Nâng cao, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, kết nối nông thôn - đô thị và kết nối giữa các địa phương

- Giao thông: Tiếp tục đầu tư nâng cao hơn chất lượng hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận tiện, an toàn; mở rộng mặt đường, đầu tư xây mới, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng ở những tuyến đường chính trong khu dân cư (đối với những tuyến đường không thể mở rộng được, cần bố trí những điểm quay đầu xe, những điểm dừng, đỗ hợp lý, đảm bảo thông thoáng, an toàn, thuận tiện cho người dân đi lại); đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng (phần đầu có 60% các tuyến đường trục chính nội đồng được trải nhựa, bê tông) tạo thuận lợi kết nối giữa vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung tới các tuyến, trục đường lớn); xây dựng các tuyến đường huyện, đường tỉnh nhằm tăng cường kết nối giữa các vùng, địa phương trong tỉnh với các tỉnh xung quanh; đặc biệt kết nối với thành phố Hà Nội, các tuyến đường cao tốc, các tuyến đường đi tới các cảng biển, sân bay... tạo thuận lợi cho công tác thu hút nguồn vốn đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn và phát triển du lịch.

- Thủy lợi: Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi của tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, kịp thời thoát nước trong trường hợp xảy ra mưa lớn, hạn chế ở mức thấp nhất ảnh hưởng tới sản xuất và người dân; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi đảm bảo thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, thiên tai; nhân rộng mô hình công nghệ bơm không ống, công nghệ tưới tiết kiệm nước (công nghệ tưới nhỏ giọt, công nghệ tưới phun xương); đẩy nhanh số hóa, tự động hóa trong quá trình vận hành các trạm bơm.

- Điện nông thôn: Bổ sung các trạm biến áp trong các khu dân cư, khu sản xuất đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, ổn định phục vụ nhu cầu dân sinh và sản xuất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị điện đã xuống cấp ảnh hưởng đến quá trình truyền tải và dẫn điện của hệ thống; có biện pháp xử lý các điểm vi phạm hành lang lưới điện, tiến tới không còn hộ vi phạm hành lang lưới điện; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm điện của người dân, khuyến khích phát triển các hệ thống phát điện gia đình như điện mặt trời.

- Cơ sở vật chất trường học: Duy trì mức đạt chuẩn về cơ sở vật chất của các trường học (tỷ lệ 100%); tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học trong các trường học, xây dựng mô hình phòng học thông minh, phòng học trực tuyến, các phòng thí nghiệm chuyên sâu; xây dựng cảnh quan các trường học, lớp học sạch sẽ, thoáng mát, bố trí khoa học các thiết bị học tập và khu vệ sinh.

- Cơ sở vật chất văn hóa: Tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại; đảm bảo các điều kiện để tổ chức các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu về nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân trong tỉnh; đầu tư trang thiết bị cho các Trung tâm văn hóa - Thể thao cấp huyện nhằm nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của người dân; triển khai dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa huyện Văn Giang, sớm đưa công trình vào sử dụng; cải tạo, nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Hưng Yên đạt chuẩn theo quy định; tiếp tục bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các nhà văn hóa xã, thôn (đối với những xã, thôn chưa có nhà văn hóa đang phải sử dụng chung với các thiết chế khác); bổ sung các trang thiết bị cho các nhà văn hóa xã, thôn đảm bảo nhằm phục vụ tốt hơn các hoạt động văn hóa của cơ sở.

- Hạ tầng thương mại nông thôn: Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá cơ sở hạ tầng các chợ trên địa bàn, đảm bảo 100% các chợ đạt chuẩn theo quy định; đẩy mạnh xã hội hóa, mời gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh; có chính sách thông thoáng, thuận lợi, thu hút những doanh nghiệp lớn, có tiềm lực về tài chính, có nhiều năm kinh nghiệm tới đầu tư phát triển các Trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; coi trọng phát triển thương mại điện tử, đưa thương mại điện tử tới gần với người dân; khai thác, vận hành hiệu quả Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh.

- Thông tin và Truyền thông: Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ viễn thông trên địa bàn hoạt động; phối hợp với các doanh nghiệp để bố trí các trạm thu, phát sóng, nâng cấp đường truyền dẫn đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet được ổn định, thường xuyên với dung lượng cao; hoàn thành cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên phù hợp với Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) sau khi Chính phủ ban hành; xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cập nhật triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương; hoàn thiện kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp; xây dựng phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính hướng tới Chính phủ số.

- Nhà ở dân cư: Duy trì các chính sách hỗ trợ người dân (người có công, người nghèo, người neo đơn ...) xây nhà ở, đảm bảo trên địa bàn tỉnh không có nhà tạm, nhà dột nát; duy trì 100% nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; kết hợp giữa kiến trúc hiện đại với kiến trúc truyền thống; định hướng quy hoạch không gian nông thôn đảm bảo vẫn giữ được kiến trúc xây dựng nhà ở đặc trưng vùng nông thôn tỉnh Hưng Yên và hiện đại, đáp ứng nhu cầu cao hơn của người dân.

c) Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao mức sống của người dân nông thôn

- Tập trung triển khai các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn nhằm thúc đẩy kinh tế nông thôn trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; triển khai hiệu quả các giải pháp bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và hợp tác xã, thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; trong đó, ưu tiên các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản, thích ứng với cơ chế thị trường; thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị.

- Xây dựng, phát triển các kênh phân phối, mô hình kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, nông thôn gắn với chuỗi các chợ đầu mối, trung tâm cung ứng nông sản hiện đại, hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn (cán bộ quản lý chợ, hộ kinh doanh tại chợ, hộ kinh doanh tại địa bàn nông thôn) gắn với nhu cầu thị trường.

- Phát triển các sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch như sinh thái nông nghiệp, trải nghiệm văn hóa, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe, du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề; phát triển hàng hóa nông nghiệp phục vụ tiêu dùng du lịch, như: Quà tặng, lưu niệm, trang trí, mỹ phẩm, dược phẩm, chăm sóc sức khỏe.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường nhằm đáp ứng cho nhu cầu dạy và học ngày một cao hơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đa dạng hóa các hình thức dạy và học nhằm thích ứng tốt hơn trong điều kiện mới; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh phát triển các đề

tài nghiên cứu khoa học trong các nhà trường, hạn chế ở mức thấp nhất tác động của dịch Covid đến việc tiếp thu kiến thức của các em học sinh; duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học phổ thông trung học hoặc tương đương, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ở mức cao (trên 95%); duy trì tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường và tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 ở mức 100%, tiếp tục nâng cao mức đạt chuẩn phổ cập giáo dục ở các bậc học.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, nâng cao hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, cải thiện dinh dưỡng và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; tăng cường chất lượng dịch vụ y tế ban đầu cho người dân ở tuyến xã, huyện, đảm bảo chăm sóc sức khỏe “toàn diện, liên tục”; chú trọng đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em ở khu vực nông thôn; cung cấp các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi; kiểm soát sự gia tăng thừa cân béo phì ở trẻ em.

e) Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn

- Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao ở nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân, nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi; phát động các phong trào rèn luyện thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; mở rộng mô hình về phát huy, kết nối thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới đảm bảo sự đa dạng về văn hóa.

- Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; khai thác các mô hình bảo tồn, phát huy và giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ cho phát triển du lịch của địa phương.

f) Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và phân tán; áp dụng biện pháp phù hợp, đồng thời khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ, cấp thôn trong cộng đồng dân cư.

- Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các chương trình, kế hoạch ... về công tác tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo theo quy định; khuyến khích, đẩy mạnh và nhân rộng mô hình phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn; tăng cường thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi...) ngay từ nguồn phát sinh theo nguyên lý “kinh tế tuần hoàn”; khuyến khích xây dựng các cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thu hút các doanh nghiệp lớn có tiềm lực tài chính, có kinh nghiệm và có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; đầu tư các khu xử lý rác thải tập trung quy mô liên huyện.

- Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, như: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu kinh doanh dịch vụ, khu chăn nuôi, các khu vực mặt nước bị ô nhiễm (ao, hồ, kênh, mương, sông, ...) trong các khu dân cư, ...

- Kiểm soát tốt việc thực hiện các biện pháp thu gom, quản lý, xử lý chất thải trước khi xả thải ra môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở chăn nuôi tập trung; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; ký cam kết bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi trong khu dân cư.

- Giữ gìn, khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp; khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh về lâu dài; phát động các phong trào dọn vệ sinh đường làng, ngõ, xóm; trồng cây xanh, hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh-sạch-đẹp.

g) Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức xã: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới; các tổ chức chính trị - xã hội của xã tích cực, chủ động tham gia xây dựng nông thôn mới, hàng năm triển khai thực hiện có kết quả cụ thể; định kỳ tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ công và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

h) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội và Quốc phòng

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và những vi phạm pháp luật khác ở thôn, xóm, khu dân cư; đảm bảo giữ gìn ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn.

- Thường xuyên thực hiện tuyên truyền giáo dục kiến thức quốc phòng - quân sự cho cán bộ và nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự địa phương, góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc.

3. Xây dựng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu

a) Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Trên cơ sở Bộ tiêu chí về xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá mức đạt các tiêu chí

xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của các thôn; lựa chọn các thôn có những điều kiện thuận lợi nhất để triển khai thực hiện trước.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách các thôn đủ điều kiện đăng ký phát đầu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu để tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và chỉ đạo thực hiện.

- Xây dựng nội dung các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cần đi vào thực chất nội dung các tiêu chí tạo nên sự khác biệt, tránh tư tưởng hình thức, thành tích.

b) Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

- Các sở, ngành căn cứ Bộ tiêu chí, hướng dẫn của Trung ương về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng các mô hình mẫu thuộc lĩnh vực sở, ngành theo dõi, quản lý đảm bảo phù hợp với điều kiện và đặc thù của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tổ chức rà soát, đánh giá các lợi thế, thế mạnh của từng xã; từ đó, định hướng, hướng dẫn các xã lựa chọn các mẫu để triển khai thực hiện.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc thông báo danh sách các xã, các mẫu đã lựa chọn để các địa phương biết, chủ động thực hiện; các ngành, đoàn thể chủ động lồng ghép các Chương trình, dự án hỗ trợ trong quá trình thực hiện.

c) Xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu

- Lựa chọn từ 1-2 huyện có những điều kiện thuận lợi, nét đặc thù riêng, phản ánh được một phần đặc sắc về văn hóa, xã hội, phát triển kinh tế, hạ tầng ... để chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế riêng dành cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu để tạo thuận lợi cho các huyện trong quá trình tổ chức xây dựng nội dung các tiêu chí.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nguồn vốn cho giai đoạn 2021-2025 là **24.436 tỷ đồng**, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trực tiếp: 16.236 tỷ đồng (*trong đó, ngân sách tỉnh: 2.000 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện: 3.800 tỷ đồng; ngân sách cấp xã: 10.436 tỷ đồng*).

- Lồng ghép các Chương trình, dự án: 2.000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế: 5.000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn huy động từ người dân (*tiền mặt, ngày công lao động, hiến đất để xây dựng các công trình công*): 1.200 tỷ đồng.

Ngoài ra người dân tự bỏ tiền đầu tư xây dựng, chỉnh trang nhà ở và các công trình phụ trợ của người dân là 20.000 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng cho người dân vay vốn để phát triển kinh tế 30.000 tỷ đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông

thôn mới, phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động. Cụ thể như:

a) Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật mới của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới; các văn bản, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo và các bộ, ban, ngành Trung ương; các văn bản của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh liên quan đến Chương trình xây dựng nông thôn mới.

b) Tuyên truyền kết quả thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới gắn liền với tái cơ cấu và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; gắn xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tuyên truyền về những thành quả đạt được, những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế triển khai xây dựng nông thôn mới trong thời gian vừa qua (đặc biệt những kết quả, bài học kinh nghiệm qua đánh giá tổng kết đánh giá 10 năm xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên); đồng thời tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

d) Tuyên truyền những gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt và mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới; những sáng kiến và mô hình tiêu biểu về giữ gìn và bảo vệ môi trường...; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương trong tỉnh.

e) Lựa chọn một số chủ đề tiêu biểu để xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm tạo sự lan tỏa rộng khắp những mô hình điển hình tiêu biểu như: Kế hoạch cuộc thi “Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu”, Kế hoạch tổ chức Hội thi “Tìm hiểu nông thôn mới”.

2. Kiện toàn bộ máy

a) Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thường xuyên, liên tục, thông suốt và hiệu lực, hiệu quả.

b) Tổ chức bộ máy Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh và cấp huyện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương trên cơ sở đặc thù của tỉnh Hưng Yên.

3. Bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng nông thôn mới

Hàng năm bố trí nguồn kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nhằm bổ sung kịp thời, đầy đủ và thường xuyên những nội dung mới trong quá trình xây dựng nông thôn mới; tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới ở những địa phương làm tốt trong cả nước cho thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh, huyện và cán bộ phụ trách công tác xây dựng nông thôn mới của các sở, ngành, Ủy ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các xã.

4. Về huy động nguồn lực

a) Hàng năm ngân sách các cấp bố trí nguồn kinh phí riêng để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

b) Tổ chức thực hiện Đề án đầu tư quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/9/2021; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác xử lý đất dôi dư, xen kẹt.

c) Lồng ghép các chương trình, dự án, các nguồn vốn để tăng kinh phí đầu tư cho xây dựng nông thôn mới.

d) Tạo điều kiện thuận lợi để cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như: Các doanh nghiệp về điện; về hạ tầng thương mại nông thôn; về thông tin truyền thông; về chế biến, tiêu thụ nông sản; cung cấp nước sạch; về xử lý ô nhiễm môi trường ...

e) Huy động từ nhân dân và người con xa quê đóng góp, tham gia chung tay xây dựng nông thôn mới thông qua hiến đất, góp tiền, ngày công lao động, ... trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc.

5. Về rà soát, ban hành các cơ chế chính sách

a) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế riêng dành cho các địa phương đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp nhằm mục đích tăng năng suất, sản lượng và giá trị sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

c) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp.

d) Xây dựng cơ chế hỗ trợ lãi xuất vốn vay cho người dân để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

e) Dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn: Đối với nhóm lao động có xu hướng ở lại lĩnh vực nông nghiệp, cần bổ sung những kiến thức chuyên sâu về sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, quản lý các chi phí và lựa chọn đầu ra cho sản phẩm, ... Đối với lao động có xu hướng dịch chuyển khỏi ngành lĩnh vực nông nghiệp, kết hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động, đào tạo nghề theo nhu cầu sử dụng lao động hoặc nghiên cứu đào tạo những ngành nghề mới phù hợp để người lao động dễ dàng tìm được việc làm.

f) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý rác thải, nước thải, nước sinh hoạt ở nông thôn.

g) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế khen thưởng (thưởng tiền hay thưởng công trình phúc lợi) cho các địa phương hoàn thành nông thôn mới (khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu).

6. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn: Tập trung thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng và hiệu quả; ưu tiên đầu tư áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nhằm tăng giá trị sản xuất; thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chế biến nông sản, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến; tiếp tục thực hiện chuyển đổi diện tích trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, liên kết chặt chẽ với nông dân, xây dựng chuỗi giá trị hàng hóa; phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và quản lý chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng; tiếp tục hỗ trợ đầu tư, xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nông sản có lợi thế của tỉnh; phát triển những thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được cấp chứng nhận; thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản; khuyến khích nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, áp dụng theo các tiêu chuẩn VietGAP, ISO, HACCP,... đầu tư xây dựng các mô hình mẫu về phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

7. Về khoa học công nghệ: Ứng dụng rộng rãi các quy trình công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến; đưa các giống cây trồng, vật nuôi mới, có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; đẩy mạnh đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư phát triển công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại, gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm lợi thế của tỉnh.

8. Kiểm tra, giám sát: Tăng cường trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách địa bàn; định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới, chủ động đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các huyện, thị xã và thành phố.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch; thực hiện rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung của Kế hoạch đã đề ra; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung liên quan để triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới qua các năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã và thành phố nghiên cứu, đề xuất cơ chế khen thưởng (thưởng tiền hay thưởng

công trình phúc lợi) cho các địa phương hoàn thành nông thôn mới (khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu).

d) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh định kỳ sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

b) Định kỳ, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên vào kết quả thực hiện chung của các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hưng Yên để báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình giải ngân nguồn vốn cho xây dựng nông thôn mới, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các bộ, ngành Trung ương.

4. Các sở, ngành khác

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch; hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; chủ động tham mưu UBND tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả; tham mưu UBND tỉnh ban hành, hướng dẫn thực hiện các mô hình mẫu, tiêu chí mẫu thuộc lĩnh vực theo dõi, quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả những nội dung thuộc sở, ngành quản lý và theo dõi, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; lựa chọn những nội dung phù hợp để xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình; tuyên truyền để quần chúng ở cấp cơ sở tin tưởng, phấn khởi, đoàn kết chủ

động xây dựng cuộc sống văn minh, vận động nhân dân tích cực và tự nguyện tham gia góp công, góp vốn xây dựng nông thôn mới; giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới, nhất là giám sát của nhân dân về đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

6. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các địa phương được phân công thực hiện Chương trình; thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 và thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của sở, ngành trên địa bàn.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

b) Hàng năm, chủ động cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách cấp huyện để thực hiện nội dung các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

c) Trên cơ sở nguồn lực của địa phương, xây dựng cơ chế khen thưởng (thưởng tiền hay thưởng công trình phúc lợi) cho các thôn, xã hoàn thành nông thôn mới (khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu) nhằm tạo động lực thúc đẩy hơn nữa các thôn, xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Tổ chức bộ máy Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện có những nội dung phát sinh, cần điều chỉnh các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế./. 

Nơi nhận: 

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Văn phòng điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{TTuần}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

Phụ lục số 01

GIAO CHỈ TIÊU PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 181 /KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Đối tượng	Kết quả đến hết năm 2020	Cụ thể các năm trong giai đoạn 2021-2025						Lũy kế đến hết năm 2025
			2021-2022	2023	2024	2025	Tổng		
I	Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	20	70	53	43	29	195	215	
1	Huyện Văn Giang	10	10	5	5	5	25	35	
2	Huyện Văn Lâm	2	5	4	4	2	15	17	
3	Thị xã Mỹ Hào		3	3	2	2	10	10	
4	Huyện Yên Mỹ		8	5	4	3	20	20	
5	Huyện Khoái Châu		10	7	5	3	25	25	
6	Huyện Ân Thi		6	6	5	3	20	20	
7	Huyện Kim Động		7	6	4	3	20	20	
8	Huyện Phù Cù	5	7	6	4	3	20	25	
9	Huyện Tiên Lữ		7	6	5	2	20	20	
10	Thành phố Hưng Yên	3	7	5	5	3	20	23	
II	Xã nông thôn mới nâng cao	38	22	23	10	9	64	102	
1	Huyện Văn Giang	10					0	10	
2	Huyện Văn Lâm	3	3	3	1		7	10	
3	Thị xã Mỹ Hào	1	2	2	1		5	6	
4	Huyện Yên Mỹ	2	2	1	2	1	6	8	
5	Huyện Khoái Châu	4	4	3	2	2	11	15	
6	Huyện Ân Thi		3	5	3	1	12	12	
7	Huyện Kim Động	3		1		4	5	8	
8	Huyện Phù Cù	4	5	4			9	13	
9	Huyện Tiên Lữ	4	2	2	1	1	6	10	
10	Thành phố Hưng Yên	7	1	2			3	10	

TT	Đối tượng	Kết quả đến hết năm 2020	Cụ thể các năm trong giai đoạn 2021-2025					Lũy kế đến hết năm 2025
			2021-2022	2023	2024	2025	Tổng	
III	Xã nông thôn mới kiểu mẫu		15	10	9	10	44	44
1	Huyện Văn Giang		3	1	1	1	6	6
2	Huyện Văn Lâm		1	1	1	1	4	4
3	Thị xã Mỹ Hào		1	1			2	2
4	Huyện Yên Mỹ		2	1			3	3
5	Huyện Khoái Châu		2	1	1	2	6	6
6	Huyện Ân Thi				1		1	1
7	Huyện Kim Động			1		4	5	5
8	Huyện Phù Cừ		4	2	3	1	10	10
9	Huyện Tiên Lữ		1	1	1		3	3
10	Thành phố Hưng Yên		1	1	1	1	4	4
IV	Huyện nông thôn mới nâng cao			1	1	2	5	5
1			Huyện Văn Giang				1	1
2			Huyện Phù Cừ				1	1
3			Thành phố Hưng Yên				1	1
			Huyện Văn Lâm				1	1
4			Thị xã Mỹ Hào				1	1
V	Huyện nông thôn mới kiểu mẫu					2	2	2
1			Huyện Văn Giang				1	1
2			Huyện Phù Cừ				1	1

Phụ lục số 02
DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Nguồn vốn	Tiền (Tỷ đồng)
1	Nguồn vốn ngân sách trực tiếp	16,236
a)	Ngân sách tỉnh	2,000
b)	Ngân sách cấp huyện	3,800
c)	Ngân sách cấp xã	10,436
2	Nguồn vốn lồng ghép các Chương trình, dự án	2,000
3	Nguồn vốn Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế	5,000
4	Nguồn huy động từ người dân (tiền mặt, ngày công lao động, hiến đấtđể xây dựng các công trình công)	1,200
TỔNG CỘNG		24,436

Ngoài ra người dân tự bỏ tiền để đầu tư xây dựng, chỉnh trang nhà ở và các công trình phụ trợ của người dân là 20.000 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng cho người dân vay vốn để phát triển kinh tế là 30.000 tỷ đồng.